**PHỤ LỤC SỐ 03**

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA QUỸ BẢO TOÀN
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA QUỸ BẢO TOÀN**

*(6 tháng, năm …/ Năm ...)*

*Đơn vị: triệu đồng, %*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên chỉ tiêu | Số lượng thành viên Ban quản lý Quỹ bảo toàn | Tình hình nộp phí Quỹ bảo toàn | Cho vay hỗ trợ các quỹ tín dụng nhân dân khi gặp khó khăn về tài chính, khó khăn chi trả để có thể khắc phục trở lại hoạt động bình thường | Sử dụng nguồn vốn của Quỹ bảo toàn | Thu, chi tài chính phục vụ cho hoạt động của Quỹ bảo toàn |
| Tổng số phí đã thu của Quỹ bảo toàn trong kỳ | Số QTDND đã tham gia đóng phí Quỹ bảo toàn | Số QTDND chưa tham gia đóng Quỹ bảo toàn | Gửi tại ngân hàng hợp tác xã | Gửi tại ngân hàng thương mại | Mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| Số QTDND đề nghị được vay vốn | Số QTDND đã được xét cho vay | Mức cho vay hỗ trợ | Thời hạn cho vay hỗ trợ | Lãi suất cho vay hỗ trợ | Các biện pháp theo dõi, chấn chỉnh, củng cố hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân được vay hỗ trợ | Việc thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của quỹ tín dụng nhân dân được hỗ trợ | Xử lý rủi ro đối với các khoản cho vay hỗ trợ không thu hồi được vốn | Số tiền | Lãi suất tiền gửi | Số tiền | Lãi suất tiền gửi | Thu nhập | Thu lãi tiền gửi | Thu lãi cho vay | Thu đầu tư trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước | Thu khác | Chi phí | Chi phí hoạt động của Quỹ bảo toàn | Chi cho cán bộ nhân viên | Chi dự phòng | Chi khác | Chênh lệch thu, chi tại kỳ báo cáo | Chênh lệch thu, chi (lũy kế) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | (23) | (24) | (25) | (26) | (27) | (28) | (29) | (30) | (31) |
| **I** | **Số liệu thời điểm báo cáo** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** | **Cho vay từ Quỹ bảo toàn** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| II.1 | Cho vay hỗ trợ khó khăn về tài chính |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| II.2 | Cho vay hỗ trợ khó khăn về khả năng chi trả |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| II.3 | Cho vay khác |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

***1. Đối tượng báo cáo***: Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.

***2. Yêu cầu số liệu báo cáo***: Trụ sở chính Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN thông qua Cục Công nghệ thông tin.

***3. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo***: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

***4. Thời hạn gửi báo cáo***:

- Báo cáo định kỳ 6 tháng: Gửi chậm nhất ngày 15/7 hàng năm.

- Báo cáo định kỳ năm: Chậm nhất 45 ngày sau khi kết thúc năm tài chính.

***5. Hướng dẫn lập báo cáo***:

- Dòng I: Báo cáo số liệu đến cuối ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

+ Cột (20) = Cột (21) + Cột (22) + Cột (23) + Cột (24)

+ Cột (25) = Cột (26) + Cột (27) + Cột (28) + Cột (29)

+ Cột (30) = Cột (20) - Cột (25)

+ Cột (31): Điền chênh lệch thu, chi từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo.

+ Cột (20), (21), (22), (23), (24), (25), (26), (27), (28), (29), (30), (31), TCTD không phải báo cáo tại kỳ 6 tháng.

- Dòng II:

+ II= II.1+II.2+II.3

+ II.1, II.2, II.3 tương ứng với các cột (7, 8, 9, 10, 11): Báo cáo số liệu đến cuối ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

+ II.1, II.2, II.3 tương ứng với các cột (12, 13, 14): báo cáo biện pháp đã triển khai

**Ghi chú:**Tổ chức tín dụng không điền vào ô màu xám.